

QUẢN LÝ HỆ SINH THÁI THÍCH ỨNG VỚI QUẢN LÝ DU LỊCH THÔNG MINH

● TRẦN HỮU ÁI

TÓM TẮT:

Nghiên cứu tập trung vào khái niệm hệ sinh thái kinh doanh, đây là một lĩnh vực tương đối mới trong nghiên cứu quản lý. Hơn nữa, có một phương pháp nghiên cứu mới nổi trong khoa học xã hội có tên là “lý thuyết phức tạp”, coi hệ sinh thái và hệ sinh thái kinh doanh là những hệ thống thích ứng phức tạp. Mục đích chính là kết nối cả 2 phương pháp bằng cách mang đến những hiểu biết mới trên cơ sở tầm nhìn thông minh về du lịch. Đặc biệt, tác giả đề xuất một cuộc thảo luận lý thuyết về các khái niệm nói trên bằng cách áp dụng vào bối cảnh cụ thể của quản lý di sản công nghiệp.

Từ khóa: hệ sinh thái kinh doanh, lý thuyết phức hợp, quản lý di sản công nghiệp, du lịch thông minh.

1. Đặt vấn đề

Tầm quan trọng ngày càng tăng của việc khôi phục di sản công nghiệp đã làm nổi bật chiều sâu và tính khác biệt của những nơi làm việc thuộc về các hệ thống và cơ chế phức tạp. Những hệ thống phức tạp như vậy, tùy theo tầm quan trọng của các nhà máy và sự chuyên môn hóa sản xuất của chúng, được khớp nối trong không gian, bao hàm toàn bộ thành phố, toàn bộ vùng lãnh thổ và do đó là toàn bộ điểm đến. Những điều này đã góp phần làm sáng tỏ tầm quan trọng của tài sản hiện có (kho lưu trữ, máy móc, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng...), đồng thời khẳng định sự cần thiết của một chuyên gia làm việc, phương pháp luận khoa học và thống nhất để quản lý hệ thống phức tạp này... Kể từ nửa sau

những năm 1990, nhận thức của các học giả quản lý và các vấn đề liên quan đến quản lý di sản công nghiệp đã được nâng cao và phản ánh việc tăng cường lĩnh vực này có thể đảm bảo sự phát triển của khu vực bằng cách tăng cường du lịch và sự tham gia của nhiều diễn viên.

Xuất phát từ nhu cầu tiến hành các dự án thống nhất, bao gồm tập hợp tất cả các thành phần có trong các khu vực liên quan, vấn đề trọng tâm là cách tiếp cận quản lý và phục hồi theo tầm nhìn thông minh. Làm việc theo hướng này có nghĩa là phải có những thái độ đi kèm với một loạt các kỹ năng liên ngành. Bức tranh toàn cảnh thậm chí còn trở nên phức tạp hơn khi có sự kết hợp của các phương pháp tiếp cận chuyên ngành khác, chẳng hạn như nghiên cứu về

môi trường và đô thị, nhân văn, xã hội học và các lĩnh vực khác. Do đó, quá trình hồi sinh bao gồm những biến đổi về kinh tế, xã hội và văn hóa đòi hỏi các chiến lược quản lý phức tạp (Lashua, 2013).

Phương pháp nghiên cứu được lựa chọn là phân tích khái niệm với một đề xuất mô hình. Dữ liệu được thu thập thông qua nghiên cứu tài liệu, trong đó có tính đến các bài báo viết về sự phức tạp trong lĩnh vực quản lý, hệ sinh thái kinh doanh và du lịch thông minh. Cuối cùng, nghiên cứu trình bày sự hình thành và lý luận cách giải thích trong lĩnh vực quản lý di sản công nghiệp. Công trình này được cấu trúc như sau: phần đầu tiên về lý thuyết phức tạp trong lĩnh vực quản lý; phần thứ hai về khái niệm hệ sinh thái kinh doanh như một hình thức tổ chức mới; thứ ba về khái niệm du lịch thông minh; và phần cuối cùng, trên cơ sở cách tiếp cận lý thuyết này, là đóng góp của nghiên cứu liên quan đến mô hình khái niệm quản lý thông minh du lịch di sản công nghiệp. Nghiên cứu cũng đã đưa ra loạt giải pháp nhằm đề xuất những hướng đi mới cho các nghiên cứu trong tương lai.

2. Lý thuyết phức hợp trong lĩnh vực quản lý

Lý thuyết phức tạp là khái niệm tương đối mới trong khoa học nói chung và khoa học xã hội nói riêng, đề cập cụ thể đến hiện tượng “phức tạp” và giải thích hành vi của các hệ thống phức tạp (Johnson, 2011). Trong các ngành khoa học này đã diễn ra một loạt các biến đổi, được gọi là sự hỗn loạn, độ phức tạp, phi tuyến tính và phân tích hệ thống động lực. Có một sự thay đổi từ những phân tích giản lược sang những phân tích liên quan đến việc nghiên cứu các vấn đề thích ứng phức tạp cho thấy, có trật tự nhưng vẫn ở “bờ vực hỗn loạn” (Urry, 2005). Trong hơn 30 năm qua, công trình của Viện Santa Fe và những người khác đã định hình sự hiểu biết về sự phức tạp với một lượng tài liệu ngày càng tăng nhanh nhằm xem xét các đặc điểm của các hệ thống phức tạp và các phương pháp tiếp cận phức tạp (Capra, 1996; Flake, 1998).

Viện Santa Fe đã phát triển khuôn khổ ban đầu mà từ đó hầu hết các nghiên cứu khác phát triển và chính từ tiền đề và công việc cơ bản của Santa Fe mà những người đóng góp chính khác trong lĩnh vực này đã bắt đầu công việc của họ về Hệ thống

thích ứng phức tạp để mô tả một hệ thống thích ứng thông qua quá trình “tự tổ chức” và lựa chọn các hành vi, cấu trúc và mô hình mới mạch lạc (Dann & Barklay, 2006).

Sự phức tạp phát sinh do nhiều yếu tố tương tác đồng thời và tự tổ chức cục bộ; do đó, sự phức tạp nằm ở việc tổ chức các thành phần của hệ thống, hay tốt hơn là ở khả năng tự tổ chức của chúng; chính hệ thống sẽ lựa chọn, chọn một trong vô số sự kết hợp mà các thành viên của nó có thể tương tác: đó là hệ thống chọn một trong những mô hình có thể có của sự tương tác có trật tự và mạch lạc, mà không có sự can thiệp của bất kỳ tác nhân bên ngoài nào vào việc lựa chọn. Các hệ thống phức tạp được đặc trưng bởi các đặc tính sau (Norberg & Cumming, 2008; Mitchell, 2009).

Mỗi quan hệ phi tuyến tính giữa các thực thể thường là từ các thực thể xung quanh; do đó, thiếu sự kiểm soát bao quát hoặc mục đích thống nhất. Những tương tác này chủ yếu là cục bộ và khá đơn giản. Điều này ngụ ý với số lượng lớn các mối quan hệ phi tuyến tính, như vậy thì rất khó có khả năng có một mục đích thống nhất của hệ thống (Manson, 2001; Mitchell, 2009).

Cấu trúc bên trong quy định các hệ thống con của các thực thể thân thiết được hình thành trong hệ thống. Manson (2001) mô tả cấu trúc bên trong được hình thành bởi các kết nối chặt chẽ giữa các thành phần, từ đó hình thành các hệ thống con. Điều này có nghĩa, các mối quan hệ có độ mạnh khác nhau quyết định thành phần nào sẽ gần nhau tạo thành các hệ thống con trong hệ thống.

3. Các hệ thống mở tương tác với môi trường của chúng

Học tập và ghi nhớ để xử lý thông tin liên quan đến môi trường của họ, lưu trữ nó để tồn tại (Cillier, 1998; Mitchell, 2009).

Tự tổ chức để thay đổi, thích ứng khi cần thiết; cụ thể tự tổ chức là sự thay đổi cấu trúc bên trong để thích ứng tốt hơn với môi trường, do đó, sự thay đổi và tiến hóa là vốn có trong các hệ thống phức tạp. Các hệ thống phức tạp tổ chức từ bên trong, phản ứng và thích ứng chung với các kích thích bên ngoài ranh giới hệ thống (Johnson, 2011).

Sự xuất hiện là kết quả của mối quan hệ phi tuyến tính giữa các thành phần của hệ thống và hình thức hiệp lực giữa chúng (Mihata, 1997).

3. Sự phức hợp và một hình thức tổ chức mới: Khái niệm hệ sinh thái kinh doanh

Thuật ngữ “Hệ sinh thái kinh doanh” lần đầu tiên được Moore sử dụng vào năm 1993 và sau đó được phát triển bởi nhiều học giả khác nhau, những người đã nghiên cứu nó từ những quan điểm khác nhau (ví dụ: Wan và cộng sự, 2011). Nguồn gốc của khái niệm này có thể bắt nguồn từ lý thuyết sinh thái. Trên thực tế, Moore (1993) đã phân tích và định nghĩa khái niệm này dựa trên sự tương đồng với hệ sinh thái sinh học. Là hệ sinh thái sinh học, mạng lưới kinh doanh được đặc trưng bởi một số lượng lớn những người tham gia có liên kết với nhau một cách lỏng lẻo, phụ thuộc vào nhau để đạt được hiệu quả và sự tồn tại chung (Lewin, 1999).

Theo Moore (1993), hệ sinh thái kinh doanh là một cộng đồng kinh tế được hỗ trợ bởi nền tảng là các tổ chức và cá nhân tương tác với nhau - những tổ chức của thế giới kinh doanh. Các tổ chức, tương tự như các sinh vật sinh học, hoạt động trong một mạng lưới tương tác phong phú, hình thành nên nền kinh tế địa phương ở quy mô địa phương và nền kinh tế toàn cầu ở quy mô toàn cầu. Do đó, hệ sinh thái kinh doanh bao gồm nhiều loại hình khác nhau (người tham gia thị trường, chính phủ, khách hàng,...) phát triển mối quan hệ bền chặt trong môi trường thân thiện dựa trên các hoạt động và mạng lưới kinh doanh cụ thể (Moore, 1993).

Trong khi Moore (1996) cho biết, hệ sinh thái kinh doanh bao gồm các cấp độ tổ chức và môi trường kinh doanh khác nhau thì Ianisti và Levien lại chia các tổ chức đó thành 4 loại, tất cả đều có chức năng và chiến lược cụ thể (Iansiti & Levien, 2002), đó là: người chơi chủ chốt, người chơi thích hợp, người thống trị và chủ sở hữu trung tâm.

Hệ sinh thái kinh doanh cũng có nhiều đặc điểm khác nhau: sự phụ thuộc lẫn nhau của các thành phần, sự phát triển hợp tác, sự tồn tại đồng thời của cạnh tranh và hợp tác, sự tồn tại của nhiều người tham gia, năng động và linh hoạt, chia sẻ số phận, đóng góp vào việc đổi mới và đạt được thành công trong kinh doanh (Peltoniemi, 2005).

4. Du lịch thông minh

Thuật ngữ “Du lịch thông minh” xuất phát tương tự từ thuật ngữ “Thành phố thông minh” đại diện cho một môi trường, nơi công nghệ được tích hợp trong thành phố. Khái niệm Thành phố thông minh thường gắn liền với các hệ sinh thái nhúng công nghệ nhằm cố gắng xây dựng sự phối hợp với các thành phần xã hội để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và cải thiện hiệu quả của các dịch vụ thành phố (Egger 2013). Công nghệ này sẽ phối hợp với các thành phần xã hội của thành phố để cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời nâng cao hiệu quả của các dịch vụ thành phố (Vicini và cộng sự, 2012). Công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ các thành phố giải quyết các thách thức xã hội của họ. Sự phát triển của thành phố thông minh cũng tạo điều kiện tiếp cận liền mạch các dịch vụ giá trị gia tăng cho cả người dân và khách du lịch với tư cách là du khách của thành phố, chẳng hạn như tiếp cận thông tin thời gian thực trên mạng lưới giao thông công cộng (Buhalis & Amaranggana, 2013). Theo nghĩa này, một thành phố có thể được phân loại là thông minh khi đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững và chất lượng cuộc sống cao thông qua đầu tư vào nguồn nhân lực, mức độ tham gia đầy đủ của chính phủ và cơ sở hạ tầng hỗ trợ phổ biến thông tin phù hợp trên toàn thành phố (Caragliu et al., 2011). Vì vậy, thành phố thông minh nên dựa trên 3 trụ cột chính là: nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng/thông tin và thông tin (Komninos et al., 2013).

Công nghệ thông tin có thể đóng góp về mặt tạo ra trải nghiệm giá trị gia tăng cho khách du lịch, hiệu quả và hỗ trợ tự động hóa quy trình cho các tổ chức liên quan. Do đó, sự phát triển của Thành phố thông minh cũng có thể khuyến khích hình thành các điểm đến du lịch thông minh. Với công nghệ được tích hợp trong môi trường điểm đến, nó có thể làm phong phú thêm trải nghiệm du lịch và nâng cao khả năng cạnh tranh của điểm đến (Buhalis & Amaranggana, 2013). Buhalis và Amaranggana (2014) mô tả điểm đến du lịch thông minh là yêu cầu các bên liên quan phải kết nối linh hoạt thông qua nền tảng công nghệ để thu thập, tạo và trao đổi thông tin có thể được sử dụng để làm phong phú thêm trải nghiệm du lịch trong thời gian thực. Lamsfus, Martin, Alzua-Sorzabal

và Torres-Manzanera (2015) mô tả nền tảng công nghệ hoặc hệ sinh thái kỹ thuật số này giúp các điểm đến du lịch trở nên thông minh như bao gồm các hệ thống thông minh, điện toán đám mây, Dữ liệu được liên kết, Mạng xã hội, Internet vạn vật và ứng dụng di động. Nhận thức bối cảnh của hệ thống di động cũng được nhấn mạnh liên quan đến các điểm đến thông minh. Hiện tại, khái niệm này có thể được coi là vẫn đang nổi lên và công việc khái niệm hóa cũng như định nghĩa nó vẫn đang được tiến hành.

Dựa trên những cân nhắc này, Gretzel et al. (2015) định nghĩa du lịch thông minh là “du lịch được hỗ trợ bởi những nỗ lực tổng hợp tại một điểm đến để thu thập và tổng hợp/khai thác dữ liệu có nguồn gốc từ cơ sở hạ tầng vật chất, kết nối xã hội, nguồn lực chính phủ/tổ chức và cơ thể/tâm trí con người kết hợp với việc sử dụng các công nghệ tiên tiến để biến đổi dữ liệu đó thành trải nghiệm tại chỗ và đề xuất giá trị kinh doanh với trọng tâm rõ ràng là hiệu quả, tính bền vững và làm giàu kinh nghiệm” (tr. 181). Do đó, nói chung, du lịch thông minh nhằm mục đích phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông cũng như các khả năng để:

- Cải thiện việc quản lý/điều hành;
- Tạo điều kiện đổi mới dịch vụ/sản phẩm;
- Nâng cao trải nghiệm du lịch;
- Nâng cao khả năng cạnh tranh của các công ty du lịch và điểm đến.

Gần đây, Gretzel và cộng sự (2015), trong một bài viết khác, cũng đã khái niệm hóa điểm đến thông minh trong ý tưởng rộng hơn về Hệ sinh thái du lịch thông minh, được hình thành và cùng nhau bởi công nghệ thông minh và thành phố thông minh. Do đó, hệ sinh thái du lịch thông minh có thể được định nghĩa là “một hệ thống du lịch tận dụng công nghệ thông minh trong việc tạo ra, quản lý và cung cấp các dịch vụ/trải nghiệm du lịch thông minh và được đặc trưng bởi thông tin chuyên sâu”. chia sẻ và coi trọng sự đồng sáng tạo” (Gretzel và cộng sự, 2015). Hơn nữa, nó bao gồm nhiều “loài” khác nhau: người tiêu dùng du lịch và dân cư, nhà cung cấp du lịch, trung gian du lịch, dịch vụ hỗ trợ, nền tảng và phương tiện truyền thông, cơ quan quản lý và tổ chức phi chính phủ, hãng vận tải, công ty dữ liệu và công nghệ du lịch, dịch vụ tư vấn, cơ sở hạ tầng du lịch, dân cư

và các công ty thường được giao cho các ngành khác (Gretzel và cộng sự, 2015).

Điều này nhấn mạnh cách hệ sinh thái nuôi dưỡng các mô hình kinh doanh mới, mô hình tương tác mới và thậm chí cả các loại hình kinh doanh du lịch mới, khiến việc phân định ranh giới trở nên khó khăn. Ví dụ, người tiêu dùng du lịch có nguồn lực và nhờ khả năng khai thác hệ sinh thái kỹ thuật số, họ có thể tự tổ chức hoặc hòa nhập với các nhóm người tiêu dùng dân cư có liên quan chặt chẽ và hành động như những nhà sản xuất (một hiện tượng thường được gọi là nền kinh tế chia sẻ).

Du lịch thông minh yêu cầu cách tiếp cận hệ sinh thái và điều này đòi hỏi các hệ thống phức tạp, có khả năng thích ứng được hỗ trợ bởi nguồn lực công nghệ chuyên sâu, tương tác theo nhiều cách và trên nhiều cấp độ để tạo ra giá trị và thúc đẩy đổi mới. Dẫn đến những quyết định được cho là thông minh hơn, thì nền tảng của sự phức tạp lý thuyết có thể được áp dụng để hiểu rõ hơn về hiện tượng này và cách tiếp cận này có thể được coi là sáng tạo (Vargas, 2016).

5. Kết luận

Hệ sinh thái kinh doanh du lịch công nghiệp thông minh được đề xuất trong nghiên cứu (có thể được sử dụng cho bất kỳ hệ sinh thái du lịch nào, không nhất thiết liên quan đến du lịch công nghiệp và được đặt tên là Hệ sinh thái kinh doanh du lịch thông minh) là yếu tố chính mô tả mục tiêu phát triển du lịch công nghiệp ở các điểm đến nơi di sản này nằm. Ngày càng có nhiều khu công nghiệp nơi du lịch được quảng bá như một công cụ hữu ích để tái cơ cấu khu vực và phát triển kinh tế. Trong bối cảnh này, sự phát triển du lịch di sản công nghiệp thông minh có thể được hiểu không chỉ là một trong những trụ cột của sự phát triển kinh tế và xã hội để thay thế ngành công nghiệp đã ngừng hoạt động, mà còn là một tác nhân tích cực trong quá trình xác định bản sắc tập thể đa dạng.

Nghiên cứu này là nỗ lực ban đầu nhằm xác định ý nghĩa mà hiện tượng mới này có thể có đối với sự phát triển du lịch thông minh hơn. Các bước mới sẽ phải được thực hiện thông qua nghiên cứu tiếp theo. Đặc biệt, sẽ tập trung nhiều hơn vào những thách thức mà chủ đề này gặp phải liên quan đến

quản trị điểm đến bền vững và cạnh tranh hơn. Đặc biệt, việc phân tích các tác nhân, các hành động tương tác, dòng sản xuất và quản lý các nguồn lực của hệ sinh thái kinh doanh có lẽ sẽ là hướng đi chính của các nghiên cứu trong tương lai. Vì lý do này, bước tiếp theo có thể là sử dụng mô hình khái niệm này cho một nghiên cứu điển hình ở một điểm đến cụ thể. Một số ý nghĩa thu được từ nghiên cứu này.

Những vấn đề lý thuyết có liên quan đến khái niệm hệ sinh thái kinh doanh. Kết quả đã cho thấy, tính phù hợp của phương pháp này đối với việc phân tích quản lý di sản công nghiệp được coi là một hệ thống thích ứng phức tạp. Đặc biệt đã mang lại góc nhìn hữu ích để quan sát và hiểu được sự kết hợp phức tạp giữa các tác nhân và hoạt động tạo nên một dự án của quản lý di sản công nghiệp.

Ý nghĩa thực tiễn có liên quan đến cả các vấn đề quản lý và chính trị. Về ý nghĩa quản lý, tác giả

đề xuất cách tiếp cận mới để quản lý nguồn lực di sản công nghiệp, trước hết bao gồm các hình thức tổ chức mới (về các hình thức tổ chức, phương pháp sản xuất và thực tiễn làm việc sáng tạo dựa trên các hình thức tinh tế của quyền lực quản lý, kiểm soát và tự kỷ luật).

Ý nghĩa chính trị quan trọng có liên quan đến việc thực hiện các dự án quản lý di sản công nghiệp. Việc quản lý di sản công nghiệp, cũng như quản lý di sản văn hóa nói chung, đòi hỏi một cách tiếp cận mới bao gồm các yếu tố như tính sáng tạo, tính linh hoạt, kết nối mạng, tính năng động, quảng bá, công nghệ thông tin, truyền thông, v.v..., khó có thể dung hòa với cách tiếp cận truyền thống được thực hiện bởi sự quan liêu, bảo tồn tĩnh và quản lý đơn phương. Tất cả những điều đó đòi hỏi một chính sách có tầm nhìn xa có khả năng hỗ trợ, tổ chức, điều phối các nguồn lực công nghiệp/văn hóa và liên kết chúng với các nguồn lực khác trong lãnh thổ ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Buhalis D. and Amaranggana A. (2013). Smart Tourism Destinations. In Z. Xiang and I. Tussyadiah (eds.). Information and Communication Technologies in Tourism 2014. Springer. Heidelberg.
2. Capra F. (1996). The Web of life: A New Synthesis of Mind and Matter. Flamingo Books Ltd. London.
3. Caragliu A., Del Bo C. and Nijkamp P. (2011). Smart Cities in Europe. Journal of Urban Technology, 18(2), 65-82.
4. Cilliers P. (1998). Complexity and Postmodernism: Understanding Complex System. Routledge. New York.
5. Dann Z. and Barclay I. (2006). Complexity theory and knowledge management application. Electronic Journal of Knowledge Management, 4(1), 11-20.
6. Egger R. (2013). The impact of near field communication on tourism. Journal of Hospitality and Tourism Technology, 4(2), 119-133.
7. Gretzel U., Sigala M., Xiang Z. and Koo C. (2015). Smart tourism: foundations and developments. Electronic Markets, 25(3), 179-188.
8. Iansiti M. and Levien R. (2002). The New Operational Dynamics of Business Ecosystems: Implications for Policy, Operations and Technology Strategy. Working Paper Series. USA: Harvard Business School.
9. Johnson N. (2011). Simply Complexity: A Clear Guide to Complexity Theory. Section 1.1. Ebook edition. One World Publications. Oxford, UK.
10. Komninos N., Pallot M. and Schaffers H. (2013). Special issue on smart cities and the future internet in Europe. Journal of the Knowledge Economy, 4(2), 119-134.
11. Lamsfus C., Xiang Z., Alzua-Sorzabal A. and Martin D. (2013). Conceptualizing context in an intelligent mobile environment in travel and tourism. In: L. Cantoni & Z. Xiang (Eds.), Information and Communication Technology in Tourism, (1-11). Springer. Heidelberg.
12. Lashua B. D. (2013). Pop-up cinema and place-shaping: urban cultural heritage at Marshall's Mill. Journal of Policy Research in Tourism, Leisure and Events, 5(2), 123-138.

13. Lewin R. (1999). Complexity: Life at the edge of chaos. University of Chicago. Chicago.
14. Manson S. (2001). Simplifying complexity: A review of complexity theory. Geoforum, 32(3), 405-414.
15. Mihata K. (1997). The Persistence of Emergence. In: R.A. Eve, S. Horsfall and M.E. Lee (eds.), Chaos, Complexity and Sociology: Myths, Models and Theories. Sage Publications. Thousand Oaks, CA.
16. Mitchell M. (2009). Complexity: A Guided Tour. UK: Oxford University Press.
17. Moore J. F. (1993). Predators and prey: a new ecology of competition. Harvard Business Review, 71(3), 75-86.
18. Norberg J. and Cumming G. S. (2008). Complexity Theory for a Sustainable Future. Columbia University Press, 15-45.
19. Peltoniemi M. (2005). Business ecosystem: a conceptual model of an organization population from the perspectives of complexity and evolution. Tampere: e-Business Research Center. Research Reports.
20. Urry J. (2005). The complexity turn. Theory Culture and Society, 22(5), 1.
21. Vargas A. (2016). Smart Tourist Destination: a dual approach. Proceedings of the 6th Advances in Hospitality and Tourism Marketing and Management Conference (In press).
22. Vicini S., Bellini S. and Sanna A. (2012). How to co-create Internet of things-enabled services for smarter cities. In: The First International Conference on Smart Systems, Devices and Technologies (55-61).

Ngày nhận bài: 5/5/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/5/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/6/2024

Thông tin tác giả:

TS. TRẦN HỮU AI

Trường Đại học Văn Hiến

ADAPTIVE ECOSYSTEM MANAGEMENT WITH SMART TOURISM MANAGEMENT

● **PhD. TRAN HUU AI**

Van Hien University

ABSTRACT

This study introduced the concept of business ecosystems, which is a relatively new concept in management research. Furthermore, there is a second emerging research approach in the social sciences named “complexity theory,” which views ecosystems and business ecosystems as complex adaptive systems. It is to connect the two by bringing new insights based on a smart tourism vision. This study proposed a theoretical discussion of the concepts mentioned above by applying them to the context of industrial heritage management.

Keywords: business ecosystem, complexity theory, industrial heritage management, smart tourism.